JOURNAL OF SCIENCE OF HNUE
2013, Vol. 58, No. 6B, pp. 58-66
This paper is available online at http://stdb.hnue.edu.vn

THỰC TRẠNG PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM NHỮNG NĂM 60 - THẾ KỈ XX (QUA TRƯỜNG HỢP PHÊ BÌNH TIỂU THUYẾT *VÀO ĐỜI* CỦA HÀ MINH TUÂN)

Ngô Văn Tuần
Phòng Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Phê bình văn học Việt Nam những năm 60 đã có những đóng góp quan trọng vào việc khẳng định những giá trị lịch sử và nghệ thuật của nền văn học mới. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp cụ thể, lối phê bình suy diễn, quy chụp, bỏ qua sự phân tích, biện luận đã dẫn đến những kết luận mang tính công thức, sơ lược, một chiều. Từ việc nhìn lại cuộc phê bình tiểu thuyết Vào đời của Hà Minh Tuân, bài viết giúp người đọc hình dung thực trạng phê bình văn học còn nhiều bất cập trong những năm 60 ở miền Bắc nước ta.
Từ khóa: *Vào đời*, Hà Minh Tuân, phê bình văn học, phê bình xu nịnh, vụ án văn học.

1. Mở đầu

Phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1986 có nhiều sự kiện nhưng nổi bật hơn cả là những cuộc đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ, những cuộc tranh luận về quan điểm sáng tác, về cuộc đấu tranh chống tư tưởng xét lại, những cuộc phê bình sôi nổi, quyết liệt những tác phẩm bị coi là thiếu tính đảng hay những tác phẩm bị xem là đồi truy,... Bản thân những vấn đề vừa nêu đã khiến cho phê bình văn học giai đoạn này chưa được giới nghiên cứu dành cho sự quan tâm thoả đáng.

Mặc dù vậy, từ cuối những năm 80, quan điểm văn nghệ của Đảng ta có nhiều đổi mới, cởi mở hơn; nhiều nhà văn trước đây bị phê bình, bị quy chụp như Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phùng Quán,... đều đã được đánh giá lại. Nhiều người trong số đó được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Cũng từ những năm 90 của thế kỉ trước, khi chúng ta tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế, văn hoá toàn cầu, trên nhiều mặt, chúng ta đã và đang nhìn nhận lại, theo đó nhận thức của xã hội cũng đã có những đổi mới căn bản. Hoàn cảnh mới tạo

Ngày nhận bài 12/03/2013. Ngày nhận đăng 28/06/2013.
Liên lạc Ngô Văn Tuần, e-mail: ngotuanbg@yahoo.com.vn

cơ hội cho ta suy ngẫm và đánh giá lại những giai đoạn, những hiện tượng văn học trước đây còn nhiều ý kiến chưa thống nhất. Với ý nghĩa đó, chúng tôi đặt vấn đề tìm hiểu thực trạng phê bình văn học những năm 60 của thế kỉ XX (thông qua trường hợp phê bình tiểu thuyết *Vào đời* của Hà Minh Tuân).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vài nét về Hà Minh Tuân và tiểu thuyết *Vào đời*

2.1.1. Vài nét về sự nghiệp tác giả

Hà Minh Tuân tên khai sinh là Nguyễn Văn Trí, sinh ngày 10 tháng 2 năm 1929 tại xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Năm 1943, Hà Minh Tuân tham gia phong trào Thanh niên Cứu quốc ở Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Vệ quốc đoàn với chức vụ Đại đội trưởng rồi Tiểu đoàn trưởng. Năm 1950, ông là Chính ủy Trung đoàn 209 (Sư 312), tham gia các chiến dịch Việt Bắc, Trung Du, Điện Biên Phủ.

Sau kháng chiến chống Pháp, Hà Minh Tuân là Trưởng phòng Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị. Từ năm 1958 là biên tập viên báo Văn học rồi Giám đốc Nhà xuất bản Văn học. Sau sự kiện cuốn *Vào đời*, ông chuyển sang làm chuyên viên nghiên cứu tại Tổng cục Thủy sản. Ông mất tại Hà Nội ngày 11 tháng 3 năm 1992.

Tác phẩm đã xuất bản: *Những ngày máu lửa* (ký sự, 1949); *Trong lòng Hà Nội* (tiểu thuyết, 1957); *Hai trận tuyến* (tiểu thuyết, 1960); *Vào đời* (tiểu thuyết 1963, 1991); *Vẻ đẹp bình dị* (tiểu thuyết, 1977).

2.1.2. Về tác phẩm *Vào đời*

Tiểu thuyết *Vào đời* được Hà Minh Tuân viết xong năm 1962. Năm 1963, nhà xuất bản Văn học in lần đầu rồi tái bản năm 1991. *Vào đời* kể chuyện cô Sen, một nữ học sinh con một gia đình viên chức ở Hà Nội, bị cha mẹ ép gả cho một ông bác sĩ goá vợ, có bệnh viện tư. Buồn tủi, cô bỏ nhà, đi làm ở một công trường xây dựng nhà máy cơ khí. Sen không quen làm công việc chân tay vất vả, cô chán chường, mệt mỏi định bỏ công trường về Hà Nội nhưng khi dự định còn chưa thực hiện được thì Sen lại bị hai tên lưu manh trong cùng công trường đón đường hãm hiếp có mang. Giữa lúc tột cùng đau đớn, hoang mang, cô gặp Hiếu, một đại đội trưởng phục viên, đem lòng yêu thương, che chở. Hai người lấy nhau và có những ngày đầu sống hạnh phúc. Nhưng rồi Hiếu vì bất mãn với cải cách ruộng đất (bố bị quy oan là địa chủ trong cải cách ruộng đất, bị đấu tố đến mức uất quá mà tự tử), lại bị bọn Mai, Song (chính là hai tên lưu manh đã làm hại Sen) lôi kéo, kích động nên đã dần tha hoá về tư tưởng. Hiếu chống lại những chính sách của lãnh đạo nhà máy (dù cũng có thời điểm lãnh đạo nhà máy là những kẻ quan liêu, hách dịch), tiêu cực trong cuộc sống (thường xuyên bỏ việc, những lúc ấm ức thì đánh vợ, chửi con). Cuối cùng Hiếu bị bắt đi cải tạo và bắt đầu tỉnh ngộ. Hiếu gửi thư muốn được giải phóng cho ba mẹ con Sen (Hiếu và Sen có một đứa con chung). Trong hoàn cảnh đau khổ ấy, Sen được những người công nhân như bác Biền, chị Bổn,... động viên, khích lệ; nhất là cô được Trần Lưu, một người bí thư chi đoàn thanh niên nhiệt tình, năng nổ, vốn thầm

yêu cô, ra sức giúp đỡ, che chở. Sen dần chín chắn lên, cô được đi học nghề cơ khí, rồi trở thành chiến sĩ thi đua, là tấm gương sản xuất trong nhà máy. Truyện khép lại trong viễn cảnh Trần Lưu và Sen chung sức bên nhau xây dựng lại cuộc đời và hạnh phúc.

2.2. *Vào đời* dưới con mắt của các nhà phê bình văn học những năm 60

2.2.1. Diễn biến cuộc phê bình tiểu thuyết *Vào đời*

Năm mươi năm trôi qua, lật dở đọc lại ngót bốn trăm trang truyện *Vào đời*, thật khó có thể hình dung một câu chuyện như vậy lại có thể gây lên một cuộc phê bình nảy lửa "một chiều" diễn ra cả năm trời, lôi kéo hàng trăm cây bút đủ mọi thành phần tham gia với không biết bao nhiêu mặt báo.

Vào thời điểm năm 1962, nhà văn Hà Minh Tuân đang là Giám đốc Nhà xuất bản Văn học. Trước *Vào đời*, ông đã có hai tiểu thuyết là *Trong lòng Hà Nội* và *Hai trận tuyến* viết về đề tài kháng chiến chống Pháp của quân dân Hà Nội được dư luận đương thời đánh giá cao và bạn đọc đón nhận nồng nhiệt. Như được khích lệ tinh thần, Hà Minh Tuân viết tiếp tiểu thuyết *Vào đời* với chủ ý khai thác mảng đề tài xây dựng xã hội mới ở miền Bắc nước ta. Trước *Vào đời*, đã có không ít tác phẩm viết về đề tài này như: *Sông Đà* (tuỳ bút, 1960) của Nguyễn Tuân, *Mùa lạc* (tập truyện, 1960) của Nguyễn Khải, *Cái sân gạch* (tiểu thuyết, 1959) và *Vụ lúa chiêm* (tiểu thuyết, 1960) của Đào Vũ,... tuy nhiên, nhìn chung các tác phẩm này đều chú trọng biểu dương, ca ngợi những mặt tốt đẹp của cuộc sống. Hà Minh Tuân không như vậy. Tác phẩm của ông phản ánh khá thực tế những gì đang diễn ra trong công cuộc xây dựng xã hội mới ở miền Bắc nước ta cuối những năm 50, trong đó đáng chú ý hơn cả là những hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống ở những công trường, nhà máy, xí nghiệp. Có thể nói, khi những ấn tượng về cuộc đấu tranh chống Nhân văn – Giai phẩm chưa kịp nguôi ngoai thì với những gì được viết trong *Vào đời*, Hà Minh Tuân đã vô tình thổi bùng lên một cuộc đấu tranh tư tưởng mới.

Đầu quý II năm 1963, khi vừa mới ra đời, *Vào đời* đã phải chịu pháo kích gần như ngay lập tức. Hai trong số những bài báo đầu tiên mở màn cho cuộc "phê bình" giật những dòng tít mà hẳn nhiều năm sau khi đọc lại người ta vẫn không khỏi giật mình, đó là các bài: *Vào đời, một quyển truyện đầy rẫy tư tưởng tư sản phản động, một khuynh hướng nghệ thuật suy đồi* của Nguyễn Phan Ngọc và bài *Sai lầm của Hà Minh Tuân trong quyển "Vào đời" là sai lầm về lập trường tư tưởng* của Trung Ngôn. Cả hai bài này đều đăng trên *Tạp chí Văn học* số 2 - 1963. Nối tiếp sau đó là một phong trào phê phán nổ ra rầm rộ và mạnh mẽ, nhất là trong tháng 6 và tháng 7 - 1963. Theo tổng kết của *Tạp chí Văn học* số 3 - 1963 thì: "Mới tính đến cuối tháng 7-63, nghĩa là trong vòng hơn một tháng rưỡi, và chỉ kể trong phạm vi báo chí ở thủ đô, đã có khoảng 46 bài phê bình, trong đó đến hai phần là những bài viết của bạn đọc, đăng hầu hết ở các báo như: *Nhân dân, Văn nghệ, Thủ đô Hà-nội, Tiền phong, Quân đội nhân dân, Lao động, Thống nhất, Cứu quốc, Thời mới, Độc lập,...* gồm những ý kiến phê bình của các giới, các ngành: văn nghệ sĩ, nhà giáo, phụ huynh học sinh, nhiều nhất là công nhân, nữ thanh niên, học sinh, bộ đội, quân nhân phục viên và chuyển ngành". Tuy nhiên, trên thực tế, số lượng bài viết phê bình cuốn truyện không có dịp được đăng tải trên các báo nhiều hơn thế rất nhiều (chỉ riêng

báo *Tiền phong* "mỗi ngày nhận được từ 20 đến 30 bài của thanh niên thuộc đủ các thành phần xã hội: công nhân, nông dân, bộ đội, học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên,... gửi đến phát biểu ý kiến phê phán cuốn tiểu thuyết này" – báo *Tiền phong* ngày 19-7-1963).

Sang tháng 8 - 1963, số lượng các bài viết có phần giảm đi, song *Vào đời* vẫn tiếp tục bị phê phán trên các báo *Văn nghệ* (số 16), *Tạp chí văn học* (8-63), *Văn nghệ quân đội* (8-63), *Văn hoá* (số 90). Trong số này, bài *Đó là vấn đề tư tưởng hay là vấn đề nghệ thuật?* của Hồng Chương (Học tập, 8-63) có giá trị như một bài tổng kết cuộc đấu tranh sôi nổi trên báo chí chống "tư tưởng xấu" trong *Vào đời*. Bài viết tập trung phân tích cặn kẽ để đi đến kết luận sai lầm trong *Vào đời* là vấn đề tư tưởng chứ không phải vấn đề nghệ thuật. Sau bài báo của Hồng Chương, rải rác trên một số báo vẫn còn một số bài viết tiếp tục phê phán mạnh mẽ Hà Minh Tuân. Cuộc phê bình chỉ kết thúc vào khoảng cuối năm 1963 khi Hà Minh Tuân chính thức thôi chức Giám đốc và chuyển sang Bộ Thuỷ sản làm chuyên viên ở Vụ cá nước lợ.

2.2.2. Nội dung, mục đích, tính chất và phương pháp phê bình

Kể từ sau vụ "Nhân văn – Giai phẩm", Đảng ta đặc biệt chú trọng tới việc tổ chức học tập, giáo dục tư tưởng cho giới văn nghệ sĩ. Có lẽ chính vì thế mà sự xuất hiện của tiểu thuyết *Vào đời* ngay sau Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III (12-1962) với nội dung tập trung phản ánh nhiều vấn đề tiêu cực của xã hội đã trở thành tâm điểm của một cuộc đấu tranh tư tưởng lớn. Khác với những tác phẩm cùng đề tài ra đời lúc đó, *Vào đời* không mô tả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc theo phương châm "thể hiện hùng hồn cuộc sống mới, con người mới". Hiện thực cuộc sống trong *Vào đời* hiện lên với đầy đủ sự ngổn ngang, bừa bộn; với các mối quan hệ xã hội đa chiều, phức tạp; với sự đấu tranh quyết liệt giữa cái tốt và cái xấu,... Bức tranh đời sống trong tác phẩm không được "tô hồng", đó là cuộc sống "thực" mà ở đó những thanh niên mới bước vào đời như cô Sen phải đấu tranh quyết liệt, dữ dội với hoàn cảnh, với cái ác, cái xấu để vươn lên. Với một nội dung như thế, *Vào đời* đã chia sẻ với người đọc một cái nhìn mới về hiện thực, khẳng định cuộc sống còn nhiều khó khăn, gian khổ, nhiều mối hiểm nguy và cái ác luôn rình rập con người, nhưng nếu có ý chí, có tình yêu, có sự động viên giúp đỡ của cộng đồng, con người có thể vượt qua tất cả để khẳng định bản thân mình, tìm được niềm hạnh phúc cũng như sống có ích cho xã hội.

Tiếc thay một câu chuyện như thế đã không được độc giả đương thời đón nhận như một tác phẩm nghệ thuật. Gần một trăm bài báo mà chúng tôi sưu tập được từ cuộc phê bình hơn năm mươi năm về trước đều là những bài viết phê phán nội dung truyện *Vào đời* một cách gay gắt. Theo họ, *Vào đời* đã gặp phải những vấn đề nghiêm trọng về tư tưởng, cuốn truyện có nhiều hình ảnh, tư tưởng "xuyên tạc sự thật của chế độ ta", không phản ánh đúng "những mặt hiện thực tốt đẹp của xã hội ta trong những năm từ 1956 đến 1960". Xã hội trong *Vào đời* là một xã hội "hỗn độn, phức tạp, đầy những ung nhọt". Tư tưởng, thế giới quan của tác giả *Vào đời* là "tư tưởng, thế giới quan tiểu tư sản" gắn với "triết lí hưởng lạc, sa đoạ, lối sống gấp kiểu Mĩ". Chính bởi thế mà tác giả "hoàn toàn phủ nhận thắng lợi của cải cách ruộng đất", có cái nhìn "lệch lạc, sai lầm, nếu không phải là đối địch với đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta".

Tác giả "vẽ lên một loạt hình ảnh xấu xí đến ghê tởm của cán bộ lãnh đạo", "không cho người ta thấy được khí thế cách mạng sôi nổi của quần chúng nhân dân đang hăng say lao động để xây dựng nước nhà. Người ta chỉ nghe toàn những kêu ca về đời sống". Tư tưởng "đòi hưởng thụ, đòi đãi ngộ cũng bộc lộ trắng trợn trong cuốn truyện" (Phần trích dẫn trong ngoặc ("") là chữ dùng của các tác giả trong các bài báo – NVT chú thích). Hàng loạt những "vi phạm" về nội dung tư tưởng của truyện đã được các nhà phê bình ở nhiều tầng lớp và cương vị khác nhau kể ra một cách rạch ròi, rằng *Vào đời* đã: nói xấu bộ đội phục viên, nói xấu phụ nữ "coi họ chỉ là những cái máy đẻ", có cái nhìn hằn học với cải cách ruộng đất; cười cợt công an, đài phát thanh, hệ thống mậu dịch của nhà nước, phủ nhận những giá trị đã đạt được của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... Theo chúng tôi, không phải ngẫu nhiên mà *Vào đời* bị phê phán gay gắt và nặng nề như vậy. Trước Hà Minh Tuân, Vũ Bão đã từng bị "phê bình" lên bờ xuống ruộng, bị đẩy đi hết cơ quan này đến cơ quan khác vì tiểu thuyết *Sắp cưới* của ông đã đề cập đến những sai lầm của cải cách ruộng đất. Thế nên, sau sự kiện "Nhân văn - Giai phẩm", việc Hà Minh Tuân một lần nữa khơi lại "nỗi đau dai dẳng" của cải cách ruộng đất cũng như những vấn đề tiêu cực trong công cuộc quản lí kinh tế cũng như quản lí xã hội lúc đó là một sự cấm kị.

Trở lại với cuộc phê bình, cách lập luận chung của các bài viết là "bắt lấy" một vài chi tiết nhà văn viết về những vấn đề tiêu cực rồi bình tán, suy diễn và gán ghép cho nó những nội dung ý nghĩa không nằm trong chỉnh thể nội dung của tác phẩm. Trong một thời gian dài, lối phê bình này rất phổ biến. Đó là lối phê bình cắt vụn, không tiếp nhận tác phẩm như là một chỉnh thể nghệ thuật, nhặt nhạnh các chi tiết rồi gán ghép nội dung. Ý nghĩa tác phẩm tất nhiên được hình thành nên từ ý nghĩa của từng chi tiết nghệ thuật nhưng đó phải là sự tổng hợp của các chi tiết chứ không phải là sự cộng gộp ý nghĩa một cách đơn thuần.

Cái nhìn giản đơn của các cây bút phê bình trong cuộc phê bình này còn thể hiện ở cách quan niệm về hiện thực. Với họ, cuộc sống đang "hết sức tươi đẹp" ở miền Bắc không thể có chuyện phụ nữ bị hãm hiếp, không có chuyện trộm cắp, mại dâm và những thứ xấu xa khác,... lao động phải được xem là một sự nghiệp vinh quang, công cuộc xây dựng đất nước phải đem đến cho mỗi cá nhân những động lực tinh thần mạnh mẽ. Trong công cuộc ấy, không thể tồn tại những sự ca thán, nhất là với những người trẻ mới bước vào đời (như cô Sen). Ở hoàn cảnh nào, con người cũng luôn được bảo vệ bởi các đoàn thể như đoàn thanh niên, công đoàn, Đảng. Chính vì xuất phát từ quan niệm chứ không xuất phát từ thực tế nên các nhà phê bình cho rằng những nhân vật tha hoá như Mai, Song đều là do Hà Minh Tuân cố tình "bịa" ra. Và nhất là nhân vật Hiếu (chồng Sen), "rõ ràng là một nhân vật hoàn toàn giả tạo. Bước sa đoạ của Hiếu trái với lô gích. Một người cán bộ, đã được giáo dục, từng được giao nhiệm vụ chỉ huy một đại đội, tất phải có một phẩm chất chính trị nhất định, tại sao có thể rơi xuống vực thẳm của sự sa đoạ nhanh chóng đến vậy... Sao ở cái công trường già nửa là bộ đội phục viên ấy, không thấy một đảng viên hay một đồng chí bộ đội nào tìm cách dứt anh ta ra khỏi bàn tay độc địa của bọn lưu manh, đưa anh ta vào con đường ngay thẳng?" (Dân Hồng, Trong *Vào đời hình ảnh anh bộ đội đã bị bôi một vết nhơ*, báo *Cứu quốc*, số ngày 14/7/1963). Trong khi đó, thực tế Hà Minh Tuân đã miêu tả Hiếu là một nhân vật có nội tâm khá phức tạp. Anh ta bị dằn vặt bởi chuyện bố

bị chết tức tưởi vì bị nghi oan là địa chủ, đồng thời vừa bị cám dỗ, vừa bị lừa gạt bởi hai tên lưu manh rất nhiều mánh khoé (Mai, Song). Chính bởi thế, sự tha hoá của Hiếu (dù anh đã từng là đại đội trưởng) nếu không phải là chuyện ngẫu nhiên thì cũng là điều hoàn toàn có thể lí giải được. Trong truyện còn nhiều hiện tượng tiêu cực khác như chuyện lãnh đạo nhà máy quan liêu bắt giam công nhân và đánh đập họ vô cớ, Mai và Song "giả làm trung tá, đại tá đi com măng ca để tống tình và đào mỏ", công nhân biểu tình đòi bắt lãnh đạo nhà máy đem "bỏ rọ",... bị các nhà phê bình cho là đã phản ánh không chính xác thực tế, không phù hợp với tư tưởng của Đảng,... Có thể thấy rằng ý đồ nghệ thuật của Hà Minh Tuân là nhằm dựng nên một bức tranh đầy đủ màu sắc về xã hội mới đang hình thành ở miền Bắc nước ta thời điểm đó. Điều này cũng đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lúc đó khuyến khích: "Nhân dân ta mong mỏi văn nghệ sĩ ta đi sâu vào công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến lên mặt trận sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, hoà mình với quần chúng; tích cực tham gia phục vụ những cuộc vận động lớn hiện nay có liên hệ mật thiết với các phong trào thi đua, như cuộc vận động "nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lí kinh tế, tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" ở xí nghiệp, công trường, cơ quan và cuộc vận động "cải tiến quản lý, cải tiến kĩ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện" ở nông thôn miền Bắc nước ta" [1]. Thế nhưng, ý tưởng nghệ thuật của ông lại bị nghi ngờ, bị xem là cố tình săm soi vào những hiện tượng cá biệt của xã hội với mục đích nói xấu chế độ, cổ vũ cho những tư tưởng chống đối có hại cho sự phát triển của đất nước. Trong sáng tạo nghệ thuật, không thể yêu cầu nhà văn luôn thường trực giọng điệu ngợi ca. Bởi nếu vậy, sớm muộn sẽ dẫn đến bệnh công thức, sự giản đơn, sơ lược. Cũng vậy, nhà phê bình thẩm định tác phẩm văn chương theo cách này hoặc là đã cố tình bỏ qua hoặc không hiểu những đặc trưng của nghệ thuật và tất nhiên cũng không tôn trọng sự sáng tạo của người nghệ sĩ.

Về mặt phương pháp, các bài phê bình đều cho thấy một thiếu sót căn bản, đó là rất coi nhẹ văn bản nghệ thuật, đi tìm nội dung ý nghĩa tác phẩm mà không xuất phát từ việc phân tích cấu trúc, kết cấu của truyện. Chính bởi thế mà những lập luận trong các bài viết trở nên chông chênh, thiếu thuyết phục. Các bài phê bình hầu hết đều được viết theo kiểu nêu tội danh mà không có sự chứng minh thoả đáng. Ví như, trong bài *Vào đời xuyên tạc sự thật của chế độ ta* của Trần Hạnh (bộ đội) đăng trên báo *Nhân dân,* số ra ngày 13/7/1963, tác giả cho rằng Hà Minh Tuân đã "không những không ca ngợi tính chất ưu việt của chế độ xã hội ta, trái lại đã bóp méo sự thật, bôi đen chế độ xã hội ta". Rồi tác giả chứng minh: *Vào đời* ra đời năm 1963 mà vai trò lãnh đạo của Đảng luôn luôn bị hạ thấp, ngọn cờ tư tưởng của Đảng không được giương cao: chân lí không đủ soi rọi cho tối tăm, phi nghĩa lấn át chính nghĩa, cái tiêu cực lấn át cái tích cực...". Và kết luận: "Tôi cho rằng cái chi phối quyết định những tư tưởng xấu của *Vào đời*, chủ yếu là sự bất mãn và hằn học của những tư tưởng thù địch với nhân dân, Đảng, cách mạng, chế độ, những tư tưởng đối lập với cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, chuyên chính vô sản". Tất cả đều là những dẫn chứng và lập luận "ngoài" văn bản. Hoặc trong bài *Đó là vấn đề tư tưởng hay là vấn đề nghệ thuật?* (Tạp chí *Học tập*, số 8 – 1963) của Hồng Chương, để chứng minh cho lập luận: "Đối với đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta, tác giả cũng để lộ lập trường tư tưởng lệch lạc, sai lầm, nếu không phải là đối địch", Hồng Chương dẫn chứng và lập luận như sau: "Mâu thuẫn cơ bản của xã hội miền Bắc trong thời kỳ này là mẫu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Thế mà trong *Vào đời*, tác giả đã nêu lên hàng đầu mâu thuẫn giữa công nhân và cán bộ lãnh đạo. Tác giả nêu nổi bật vấn đề "chống quan liêu", coi đó là vấn đề then chốt của tác phẩm... Nhưng những điều mà tác giả quy kết là "quan liêu", thậm chí là "vua liêu", cũng đáng ngờ lắm. Đuổi kẻ ăn cắp của công, vô tổ chức, vô kỷ luật, cũng là quan liêu! Có sự kiện được nêu ra làm cho người ta phải nghi ngờ tính chân thật của nó, như "tự tiện giam giữ công nhân năm sáu ngày rồi đuổi thẳng cánh không cần giải thích gì cả!". Phải chăng trong các xí nghiệp của chúng ta có ban giám đốc bắt giam công nhân?". Hồng Chương cũng cho rằng tác giả đã cố tình vẽ lên một loạt hình ảnh làm "xấu xí đến ghê tởm" đội ngũ lãnh đạo. Và kết luận: "Cách nêu vấn đề quan liêu, cách miêu tả con người quan liêu trong *Vào đời*, đã xuyên tạc mâu thuẫn trong xã hội miền Bắc, đã đem quần chúng đối lập với cán bộ lãnh đạo, do đó cố lái mũi nhọn căm thù và đấu tranh vào đảng lãnh đạo, trong lúc mũi nhọn đó đáng lẽ phải chĩa thẳng vào đối tượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tức là giai cấp tư sản và các tàn dư thế lực đế quốc, phong kiến". Rõ ràng, phương pháp phê bình rất thiếu cơ sở khoa học. Lối phê bình này "ở một vài trường hợp tỏ ra phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và tâm lí xã hội đặc biệt của thời kì chiến tranh cũng như yêu cầu của cách mạng song nhìn một cách tổng quát thì đây là xu hướng đồng nhất chính trị, đồng nhất tuyên truyền với văn học" [2]. Nó không xuất phát từ tính chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Sự đa dạng, phong phú, tính chất đa chiều của cuộc sống được thể hiện trong tác phẩm đã bị nhìn nhận và đánh giá một cách máy móc, giản đơn và có phần thô thiển.

Phê bình *Vào đời* là một cuộc phê bình lớn, đối tượng tham gia rất đa dạng (nhà chính trị làm công tác quản lí văn hoá, công nhân, nông dân, bộ đội, học sinh, sinh viên, cán bộ,...). Tuy nhiên những người làm văn học chuyên nghiệp có chuyên môn về phê bình văn học thì không ai lên tiếng chính vì vậy tính chất học thuật của cuộc phê bình này gần như không được quan tâm đến. Số lượng bài báo nhiều, xuất hiện dồn dập song do cấu trúc các bài báo khá giống nhau, nội dung phê bình lặp đi lặp lại, các lập luận hầu như không xuất phát từ việc phân tích tác phẩm trong tính chỉnh thể giữa nội dung và nghệ thuật nên cuộc phê bình thực ra là một cuộc phán xét có tính chất một chiều mà ở đây người đọc nói chung, nhà phê bình nói riêng là quan toà, còn nhà văn là bị cáo chỉ biết cúi đầu lắng nghe mà không được phép cũng như chẳng có cơ hội nào được bào chữa cho mình. Lối phê bình này đã khiến cho nhiều nhà văn như Phù Thăng, Hoàng Tiến, Vũ Bão, Hoàng Cát,... và tất nhiên cả Hà Minh Tuân phải chịu bao ấm ức, tủi cực, thậm chí nhiều người trong số đó không còn có cơ hội được cầm bút, cuộc sống lao đao, bạn bè, người thân xa lánh. Cá tính sáng tạo của nhà văn không được xem trọng, hiện thực cuộc sống phản ánh trong tác phẩm nghệ thuật được hiểu một cách máy móc, giản đơn. Có lẽ, chính bởi những điều này mà khi văn nghệ được "cởi trói", nhiều nhà nghiên cứu đã thẳng thắn cho rằng, muốn văn học, phê bình văn học phát triển, cần phải nhanh chóng xây dựng một bầu không khí dân chủ nhằm động viên, khích lệ những khuynh hướng phê bình trung

thực, có cơ sở khoa học, chú ý đến đặc trưng của đối tượng cũng như bám sát đời sống văn học.

2.2.3. Nguyên nhân và bài học

Rõ ràng, bằng những hiểu biết về hoàn cảnh xã hội và nội dung tác phẩm, bằng những kiến thức mang tính phổ quát về lịch sử văn học, về lí luận và phê bình văn học có thể khẳng định *Vào đời* đã bị nhìn nhận và đánh giá vượt ra khỏi những vấn đề về văn học và nghệ thuật. Đây là một trong những trường hợp khá tiêu biểu cho thực trạng phê bình văn học những năm 60. Chúng tôi cho rằng sở dĩ có điều này là do:

Thứ nhất, trong hoàn cảnh lịch sử của đất nước những năm 60, nhiệm vụ căn bản của văn nghệ được Đảng ta xác định là phải "phản ánh cái mới và đấu tranh cho cái mới thắng lợi. [...] Mỗi tác phẩm văn nghệ phải có tác dụng rọi ánh sáng mới vào nhận thức, tư tưởng và tình cảm của xã hội, cổ vũ nhân dân phấn khởi tiến lên" [1]. Bởi thế, như một lẽ đương nhiên, các tác phẩm đề cao những mặt tốt đẹp của cuộc sống thường được ngợi ca vì nó có tính chất khuyến khích, động viên, cổ vũ nhân dân. Trong khi đó, những sáng tác có cái nhìn trái chiều, phản ánh những mặt tiêu cực của cuộc sống có thể mang đến sự hoang mang, nghi ngờ trong quần chúng thường bị cấm đoán, phê bình.

Thứ hai, là sự khác nhau trong cách quan niệm về hiện thực. Việc lấy hiện thực cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng làm tiêu chuẩn để đánh giá tác phẩm trong khi thực tế luôn phát triển một cách sinh động, quanh co, phức tạp là chưa thoả đáng. Hơn nữa, việc đối chiếu này rõ ràng cũng không hợp lí bởi trên thực tế sáng tác là tưởng tượng, là đánh giá, là chiêm nghiệm,... về cuộc sống. Việc không hiểu hoặc hiểu không đúng những đặc trưng của nghệ thuật, tách rời giá trị nghệ thuật khỏi tư tưởng, đồng nhất hư cấu với thực tế, phản ánh hiện thực được hiểu một cách giản đơn dẫn đến "kiểu phê bình suy diễn, quy chụp chính trị, bỏ qua sự phân tích, biện luận nhiều mặt, nhiều chiều" [4].

Thứ ba, về phương pháp, nhiều bài viết tham gia cuộc phê bình này điển hình cho lối "phê bình suy diễn" (xin xem các bài *Trong "Vào đời" hình ảnh anh bộ đội đã bị bôi một vết nhơ* của Dân Hồng báo Cứu quốc, số ngày 14/7/1963; *Nọc độc tư tưởng tư sản trong tiểu thuyết Vào đời* của Trung Nghĩa, báo Văn hoá, số 90 - 1963; *Anh bộ đội trong "Vào đời" bị bóp méo, xuyên tạc* của Văn Dân, báo Văn nghệ, số 12 – 1963; *Tiểu thuyết "Vào đời" đã bôi nhọ sự thật trong các nhà máy, công trường* của Ngọc Lộc, báo Lao động, số ra ngày 6/7/1963,...). Lối "nói theo" cũng là một hiện tượng khá phổ biến khi hệ thống ý và cách lập luận của nhiều bài viết trùng nhau. Theo thống kê của chúng tôi dựa trên những bài phê bình sưu tập được, phần lớn các bài viết dù có thể tiếp cận ở những khía cạnh khác nhau nhưng cuối cùng đều quy về vấn đề tư tưởng của tác giả và tác phẩm. Nhiều bài phê bình xuất phát từ những ấn tượng chủ quan của người viết, không mô tả khả năng, tác dụng của tác phẩm nghệ thuật. Do không xuất phát từ việc phân tích những giá trị nghệ thuật của tác phẩm nên nhà phê bình tỏ ra lúng túng, nhìn chỉnh thể trong các chi tiết từ đó phán xét, suy luận một cách chủ quan. Lối phê bình này trong một thời gian dài thực sự đã kìm hãm sự phát triển đa dạng của văn học nước nhà.

Thứ tư, phê bình văn học muốn phát triển cần đề cao tinh thần dân chủ. Tuy nhiên

đó lại là thiếu sót đáng kể nhất của cuộc phê bình này. Nhà phê bình không đối thoại với nhà văn và cũng không tranh biện với nhà phê bình khác. Tất cả đều được xét đoán một chiều. Tính thiếu dân chủ cũng khiến cho phê bình văn học giai đoạn này chưa phát huy được đầy đủ vai trò "bà đỡ" cho sáng tác, chức năng cầu nối giữa sáng tác và người đọc của phê bình trong nhiều trường hợp dường như cũng đã bị lãng quên.

3. Kết luận

3.1. Phê bình *Vào đời* của Hà Minh Tuân chỉ là một trong số không ít những câu chuyện tương tự liên quan đến cách tiếp cận, đánh giá, phê bình văn học trong quá khứ cũng như vẫn còn tồn tại ít nhiều trong đời sống văn học hiện nay. Tác phẩm văn học là sản phẩm của quá trình sáng tạo nghệ thuật với những hư cấu, tưởng tượng rất đặc trưng của hoạt động sáng tác gắn với những ấn tượng, cảm xúc cá nhân của người nghệ sĩ. Bởi vậy, những nhận xét, bình phẩm, đánh giá, lí giải, dự đoán về mỗi hiện tượng văn chương cụ thể, trước hết, phải có cơ sở khoa học nhưng đồng thời cũng phải mang màu sắc nghệ thuật. Phê bình văn học không thể chỉ là những xét đoán cảm tính chung chung.

3.2. Nhận thức đúng về quá khứ bao giờ cũng có ý nghĩa cho hiện tại và tương lai. Dù thế nào, vẫn phải thừa nhận, trong đời sống phê bình văn học hiện nay, vẫn còn không ít nhà phê bình chưa có thái độ cầu thị, lắng nghe, bác bỏ sự đối thoại; một số khác tôn sùng lối viết cầu kỳ, trang trọng, dài dòng nhưng rất ít lượng thông tin. Phê bình văn học cần phải đề cao sự dân chủ, xem trọng sự tranh biện và ý nghĩa khoa học. Muốn vậy, người làm phê bình, nghiên cứu văn học cần trang bị cho mình vốn tri thức, phải có năng lực khái quát và phân tích trên cơ sở lựa chọn và vận dụng những thao tác tư duy phù hợp. Nhà phê bình phải luôn nhận thức được trách nhiệm của mình đối với dòng chảy văn học nói riêng, với văn hoá và xã hội nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Thư của BCH trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 3 (1962) – dẫn lại của Nguyễn Ngọc Thiện trong *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Lí luận – phê bình 1945-1975)* Quyển năm – tập VII, Nxb Văn học, 2008.

[2] Nguyễn Đăng Mạnh, 1987. *Phê bình văn học trong tình hình mới*. Báo Văn nghệ, số 35.

[3] Trần Đình Sử, 2005. *Trần Đình Sử tuyển tập*, tập 2. Nxb Giáo dục.

ABSTRACT

Vietnamese literature criticism in the 60s - XX century
(a critique of the novel *Vao doi* written by Ha Minh Tuan)

Vietnamese literature criticism in the 1960s provided important contributions to the confirmation of historical and cultural values of a new literature. However, in some specific cases, the imputative, unjust and illogical criticism without analysis and reasoning led to one-way, and cursory conclusions. On the basis of reviewing the criticism on the Novel "Vao doi" of Ha Minh Tuan Author, this writing will straightforwardly recognizes inadequate literature criticism situation in the Northern region of Vietnam in the 60s.